

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HS-PT

Ngày: 16-12-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Sinh

Bà Đinh Thị Như Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Vân –Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 103/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2024/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Nguyễn Thị Phương N**, sinh ngày 28/02/1993, tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kinh doanh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có chồng là Võ Thanh B và 01 người con sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Thông qua mối quan hệ giữa Nguyễn Thị Hồng N1, (sinh năm 1987, trú tại Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C) và Nguyễn Thị Phương K (sinh năm 1983, trú tại thôn H, thị trấn N, huyện C) mà Nguyễn Thị Phương N (là em ruột của Nguyễn Thị Phương K) quen biết với N1. Từ năm 2022 đến đầu tháng 8/2023, Nguyễn Thị Hồng N1 bắt đầu vay tiền của N nhiều lần và trả đủ theo thỏa thuận. Sau đó, N1 tiếp tục hỏi vay tiền N, cũng nói để cho người khác vay lại lấy tiền lãi với lãi suất cao thì N đồng ý cho vay. Từ ngày 20/8/2023 đến ngày 27/9/2023, N đã cho N1

vay 05 (năm) lần. Hai bên trao đổi, nhắn tin qua lại với nhau qua tài khoản mạng xã hội Facebook và giao dịch chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, không sử dụng tiền mặt (N sử dụng tài khoản ngân hàng V1 của mình mang số: 104005690194 để giao dịch với N1 qua tài khoản ngân hàng V1 mang số: 105876684300 và tài khoản ngân hàng A mang số: 5024215000280), cụ thể như sau:

+ Lần 01: Vào ngày 20/8/2023, N1 nói bạn mình cần vay tiền, sau khi thỏa thuận thì ngày 21/8/2023, N đồng ý chuyển khoản cho N1 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời gian vay trong vòng 02 tháng, từ ngày 21/8/2023 đến ngày 21/10/2023, lãi suất thỏa thuận là: 10.000đồng/1.000.000 đồng/ngày (*tương đương mức lãi suất 365%/năm*), 10 ngày sẽ trả lãi một lần, với số tiền là: 30.000.000 đồng; N1 lập 02 giấy vay tiền, đều được đánh máy in ra giấy A4, thể hiện nội dung khoản vay này, rồi ký tên và gửi cho N ở TP .. Khoản vay này thì vào 04 ngày: 30/8/2023, 09/9/2023, 19/9/2023 và 30/9/2023, N1 đã chuyển khoản trả tiền lãi cho N theo thỏa thuận, mỗi lần là: 30.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là: 120.000.000 đồng. Ngoài ra, N1 không trả được tiền gốc cho N theo thỏa thuận hay trả được thêm số tiền nào khác liên quan khoản vay này.

Theo quy định thì số tiền lãi mà N được thu cho mỗi lần là: Số tiền gốc (300.000.000 đồng) \* Số ngày vay (*thỏa thuận là 10 ngày*) \* Lãi suất/ngày (20%/năm, tương đương lãi suất 0.05479%/ngày) = 1.643.836 đồng, tổng cộng 04 (*bốn*) lần là: 6.575.342 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này mà N đã nhận là: 120.000.000 đồng - 6.575.342 đồng = 113.424.658 đồng.

+ Lần 02: Vào ngày 14/9/2023, N1 nói cần tiền gấp để lo công việc, nên hỏi vay N số tiền là: 100.000.000 đồng trong vòng 01 ngày, đồng thời trả cho N tiền lãi là: 10.000.000 đồng, tương đương mức lãi suất là 3650%/năm thì N đồng ý rồi chuyển khoản cho N1. Đến ngày 15/9/2023, N1 chuyển trả cho N theo thỏa thuận với số tiền 110.000.000 đồng.

Theo quy định, số tiền lãi mà N được thu là: Số tiền gốc (100.000.000 đồng) \* Số ngày vay (01 ngày) \* Lãi suất/ngày (20%/năm, tương đương lãi suất 0.05479%/ngày) = 54.795 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này mà N đã nhận là: 10.000.000 đồng - 54.795 đồng = 9.945.205 đồng.

+ Lần 03: Vào ngày 16/9/2023, sau khi trả tiền lần 02 thì N1 nói cần vay 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) tới ngày 18/9/2023 sẽ trả lại, đồng thời trả cho N số tiền lãi là: 45.000.000 đồng thì N đồng ý, rồi N chuyển khoản cho N1. Tuy nhiên, đến hạn N1 không trả được như thỏa thuận, N1 nói bạn của mình chưa xong việc, hẹn thêm vài ngày và trả thêm cho N tiền lãi. Đến ngày 20 và 21/9/2023, N1 chuyển khoản trả cho N 04 (*bốn*) lần, tổng cộng là: 250.000.000 đồng để trả gốc, lãi đối với khoản vay này, trong đó tiền gốc là: 200.000.000 đồng và tiền lãi là: 50.000.000 đồng; tương đương mức lãi suất là 1825%/năm.

Theo quy định, số tiền lãi mà N được thu là: Số tiền gốc (200.000.000 đồng) \* Số ngày vay (05 ngày) \* Lãi suất/ngày (20%/năm, tương đương lãi suất 0.05479%/ngày) = 547.954 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này mà N đã nhận là 50.000.000 đồng - 547.954 đồng = 49.452.055 đồng.

+ Lần 04: Vào ngày 22/9/2023, sau khi trả xong tiền lần 3 thì N1 hỏi vay lại, sau khi thỏa thuận N đồng ý và đã chuyển khoản cho N1 vay số tiền là: 150.000.000 đồng, thời gian vay trong vòng 05 ngày, N1 nói sẽ trả cho N mỗi ngày số tiền lãi là: 10.000.000 đồng, tương đương mức lãi suất là: 2433,3%/năm. Đến ngày 26/9/2023, N1 chuyển khoản trả cho N như thỏa thuận với số tiền là: 200.000.000 đồng.

Theo quy định, số tiền lãi mà N được thu là: Số tiền gốc (150.000.000 đồng) \* Số ngày vay (05 ngày) \* Lãi suất/ngày (20%/năm tương đương lãi suất 0.05479%/ngày) = 410.959 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này mà N đã nhận là: 50.000.000 đồng - 410.959 đồng = 49.589.041 đồng.

+ Lần 05: Đến ngày 27/9/2023, sau khi trả tiền đã vay của lần 4 thì N1 hỏi vay lại N số tiền 200.000.000 đồng, cũng nói là có mỗi làm ăn lớn, hứa hẹn trả cho N số tiền lãi mỗi ngày là: 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), tương đương mức lãi suất là 912.5%/năm thì N đồng ý, rồi N chuyển khoản cho N1, hẹn trả vào ngày 03/10/2023. Đến ngày 03/10/2023, N1 chỉ chuyển khoản trả trước cho N được số tiền lãi là: 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), rồi ngày 05/10/2023, N1 chuyển khoản tiếp cho N được số tiền lãi là: 25.000.000 đồng. Tổng cộng N1 trả cho N được 45.000.000 đồng tiền lãi của 09 ngày (*từ ngày 27/9/2023 đến ngày 05/10/2023*) theo thỏa thuận. Ngoài ra, N1 không trả được tiền gốc đối với khoản vay này hay trả được thêm khoản tiền nào khác.

Theo quy định, số tiền lãi mà N được thu là: Số tiền gốc (200.000.000 đồng) \* Số ngày vay (09 ngày) \* Lãi suất/ngày (20%/năm, tương đương lãi suất 0.05479%/ngày) = 986.301 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này mà N đã nhận là: 45.000.000 đồng - 986.301 đồng = 44.013.699 đồng.

Như vậy, từ ngày 20/8/2023 đến ngày 27/9/2023, Nguyễn Thị Phương N đã cho Nguyễn Thị Hồng N1 vay 05 lần với tổng số tiền gốc cộng dồn là: 950.000.000 đồng và với mức lãi suất từ 365% đến 3650%/năm (*gấp từ 18,25 đến 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự*), N1 đã trả hết được tiền gốc, lãi của khoản lần 02, lần 03 và lần 04, với tổng số tiền là: 560.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là: 450.000.000 đồng và tiền lãi là: 110.000.000 đồng; còn khoản lần 01 và lần 05 thì N1 chỉ trả được số tiền lãi là: 165.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả theo thỏa thuận là: 500.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi, N nhận theo thỏa thuận là: 275.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là: 8.575.342 đồng và số tiền thu lợi bất chính là: 266.424.658 đồng.

Trên thỏa thuận thì bị cáo N đã cho N1 vay số tiền gốc cộng gộp trong 05

(năm) lần là: 950.000.000 đồng, số tiền lãi bị cáo đã thu được là: 275.000.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi được thu theo quy định là: 8.575.342 đồng và số tiền thu lợi bất chính là: 266.424.658 đồng. Đây là số tiền được sử dụng làm căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo sử dụng tiền gốc để cho vay liên tục, nối tiếp nhau, không độc lập, nên số tiền gốc thực tế bị cáo đã cho vay là: 500.000.000 đồng, trong đó tiền của bị cáo là: 430.000.000 đồng, còn số tiền 70.000.000 đồng là tiền lãi mà bị cáo đã nhận và cho vay lại gồm 02 khoản tiền lãi 30.000.000 đồng nhận vào ngày 30/8/2023 và ngày 09/9/2023 là: 60.000.000 đồng (số tiền lãi được thu là: 3.287.671 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 56.712.329 đồng) và khoản tiền lãi nhận ngày 15/9/2023 là: 10.000.000 đồng (số tiền lãi được thu là: 54.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 9.945.205 đồng). Vì vậy, trong số tiền lãi 275.000.000 đồng thì bị cáo N chỉ nhận thực tế số tiền là: 205.000.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi được thu theo quy định là: 8.575.342 đồng - 3.287.671 đồng - 54.795 đồng = 5.232.877 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 205.000.000 đồng - 5.232.877 đồng = 199.767.123 đồng (hoặc tính 266.424.658 đồng - 56.712.329 đồng - 9.945.205 đồng = 199.767.123 đồng).

Hiện tại, Nguyễn Thị Hồng N1 chưa trả cho N số tiền gốc đã vay là 500.000.000 đồng mà N1 vay vào các ngày 20/8/2023 và ngày 27/9/2023.

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà N đã nhận thực tế là: 199.767.123 đồng, qua làm việc giữa bị cáo N và Nguyễn Thị Hồng N1 thì Nguyễn Thị Hồng N1 không yêu cầu N phải hoàn trả số tiền này, nên Cơ quan điều tra đã lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận giữa hai bên. Giai đoạn chuẩn bị xét xử Nguyễn Thị Hồng N1 yêu cầu bị cáo N phải trả cho N1 số tiền thu lợi bất chính 199.767.123 đồng nói trên.

Đối với số tiền lãi được thu theo quy định mà bị cáo đã nhận thực tế là: 5.232.877 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền là: 3.000.000 đồng.

## **2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm**

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương N 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương N nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo.

### **3. Kháng cáo của bị cáo:**

Ngày 02/10/2024, bị cáo Nguyễn Thị Phương N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương N vắng mặt tại phiên tòa, không gửi tài liệu liên quan đến lý do vắng mặt.

- Chủ tọa phiên tòa nhắc lại toàn bộ bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của bị cáo.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Bị cáo Nguyễn Thị Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với kháng cáo của bị cáo, đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt; buộc bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]** Bị cáo Nguyễn Thị Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng không nộp tài liệu gì chứng minh có lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

**[2]** Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ nội dung bản án sơ thẩm và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Vì mục đích thu lợi nên từ ngày 20/8/2023 đến ngày 27/9/2023, Nguyễn Thị Phương N đã 05 lần cho Nguyễn Thị Hồng N1 vay tổng số tiền gốc cộng dồn là: 950.000.000 đồng với mức lãi suất từ 365% đến 3.650%/năm, gấp từ 18,25 đến 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi N đã nhận là: 275.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là: 8.575.342 đồng và số tiền thu lợi bất chính là: 266.424.658 đồng. Trong đó, có 04 lần cho vay, bị cáo thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không kháng cáo về phần tội danh và điều luật áp dụng nên phần quyết định này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

**[2]** Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Xét nội dung vụ án thể hiện bị cáo Nguyễn Thị Phương N nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nhằm mục đích thu lợi bất chính. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ

về nhân thân; về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án 07 tháng tù và xử phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng là thoả đáng.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

**[3]** Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**[4]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Phương N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương N **07 (bảy)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương N nộp 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) để sung Ngân sách Nhà nước.

**2.** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Chư Pưh;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- Công an huyện Chư Pưh;
- Chi cục THADS huyện Chư Pưh;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, THS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Hồng**

